

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**  
**KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**VẬN DỤNG LÝ THUYẾT KÍ HIỆU HỌC VÀO VIỆC DẠY ĐỌC VĂN  
Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG**

**Mã học phần: 1NV204**

**Số tín chỉ: 03**

**Dùng cho chuyên ngành: Lí luận & PPDH Văn-Tiếng Việt**

**Bậc đào tạo: Thạc sĩ**

**Người biên soạn: PGS.TS Hoàng Thị Mai**

**Thanh Hóa, tháng 8 năm 2022**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****Trình độ đào tạo: Thạc sĩ****1. Thông tin chung về học phần**

Tên học phần: Vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông		Mã học phần <b>1NV204</b>
Tên tiếng Anh: Applying semiotic theory to teaching reading in secondary schools		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng <input type="checkbox"/> Kiến thức chu <input type="checkbox"/> ; Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 04		
Số tiết lý thuyết: 36	Số tiết thảo luận/bài tập: 24	
Số tiết thực hành: 24	Số tiết tự học: 135 tiết	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết	Khối kiến thức cơ sở ngành	
Học phần kế tiếp:	Thực tập	
Bộ môn quản lý học phần	Ngữ văn	

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Hoàng Thị Mai	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915188090	Phụ trách
2	PGS.TS Lê Thị Phụng	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915831971	CBGD2

**3. Mô tả tóm tắt học phần***Nội dung học phần:*

Học phần cập nhật, bổ sung những kiến thức mới, cơ bản, có hệ thống về lí thuyết kí hiệu học và việc vận dụng vào việc dạy đọc văn trong nhà trường bao gồm: quan điểm, những thành tựu và hạn chế của lí thuyết kí hiệu học; quan điểm, nguyên tắc, cách thức,

phương pháp vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông góp phần bổ sung, hoàn thiện hoá hệ thống lí thuyết về phương pháp dạy học Ngữ văn.

*Năng lực đạt được:*

Học phần phát triển năng lực thực hành vận dụng lí thuyết kí hiệu học văn học vào quá trình đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông; phát triển năng lực phát hiện và đề xuất được các mô hình, giải pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học.

#### **4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT**

<b>Chuẩn đầu ra học phần</b>	<b>Mô tả chi tiết</b>	<b>Chuẩn đầu ra CTĐT</b>
<b>Kiến thức</b>		
CLO1	Trình bày, mô tả khái quát được lịch sử, nội dung các trường phái lí thuyết kí hiệu học trên thế giới.	PLO4: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về giao tiếp ngôn ngữ và tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn.
<b>Kỹ năng</b>		
CLO2	Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	PLO5: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy đọc phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về đọc hiểu môn Ngữ văn theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. PLO6: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về tạo lập văn bản môn Ngữ văn.
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CLO3	Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí	PLO9: Tổ chức và quản lý các hoạt động ứng dụng các mô hình, giải pháp mới vào nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng nguồn nhân

<b>Chuẩn đầu ra học phần</b>	<b>Mô tả chi tiết</b>	<b>Chuẩn đầu ra CTĐT</b>
	hiệu học.	lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

**Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:**

PLO \ CLO	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
1				✓	✓					
2						✓				
3									✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

**5. Tài liệu dạy học**

<b><i>Giáo trình/tài liệu tham khảo chính</i></b> (01-02 giáo trình/tài liệu)	1. IU. M. Lotman, Trần Ngọc Vương, Trịnh Bá Đình, (Nguyễn Thu Thủy dịch) (2007), <i>Cấu trúc văn bản nghệ thuật</i> , NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội. 2. Phương Lựu (2005), <i>Phương pháp luận nghiên cứu văn học</i> , Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
<b><i>Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)</i></b>	1. Phan Trọng Luận (2003), <i>Văn chương, bạn đọc sáng tạo</i> , NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội. 2. Phan Trọng Luận (2017), <i>Phương pháp luận giải mã văn bản văn học</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

**6. Đánh giá kết quả học tập**

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Đánh giá chuyên cần</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3	
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				30%

	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	
<b>Thi cuối kỳ</b>				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3.	
<b>Thang điểm</b>				10

### Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	5.0 đến $\geq$ 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến $\geq$ 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 – 89% số giờ lý thuyết	Tham dự $<$ 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	5.0 đến $\geq$ 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến $\geq$ 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng $\geq$ 85% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng $\geq$ 70% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động thực hiện đáp ứng $\geq$ 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng $<$ 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
<b>Tổng điểm:</b>						

### Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
	40%	4.0 đến $\geq$ 3.25	2.75 đến $\leq$ 3.25	2.5 đến $\geq$ 2.0	0 đến $<$ 2.0	

Nội dung		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	$3.0 \text{ đến } \geq 2.5$	$2.0 \text{ đến } \leq 2.5$	$1.5 \text{ đến } \leq 2.0$	$0 \text{ đến } \leq 1,25$	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	
<b>Tổng điểm:</b>						

### Rubric 3 Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt yêu cầu 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến $\geq 3.25$	2.75 đến $\leq 3.25$	2.5 đến $\geq 2.0$	0 đến $< 2.0$	
	20%	Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhấn mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
		2.0 đến $\geq 1.5$	1.25 đến 1.5	1.0 đến $\leq 1.25$	0 đến $< 1.0$	
Phương tiện hỗ trợ	20%	Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	
		2.0 đến $\geq 1.5$	1.25 đến 1.5	1.0 đến $\leq 1.25$	0 đến $< 1.0$	
Thái độ	20%	Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
		2.0 đến $\geq 1.5$	1.25 đến 1.5	1.0 đến $\leq 1.25$	0 đến $< 1.0$	
Thái độ	20%	Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
		2.0 đến $\geq 1.5$	1.25 đến 1.5	1.0 đến $\leq 1.25$	0 đến $< 1.0$	

		người nghe				
<b>Tổng điểm:</b>						

### Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	4.0 đến $\geq$ 3.25	2.75 đến $\leq$ 3.25	2.5 đến $\geq$ 2.0	0 đến $<$ 2.0	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	4.0 đến $\geq$ 3.25	2.75 đến $\leq$ 3.25	2.5 đến $\geq$ 2.0	0 đến $<$ 2.0	
		Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài	10%	1.0 đến $\geq$ 0.75	0.5 đến $\leq$ 0.75	0.25 đến $\geq$ 0.5	0 đến $\leq$ 0.25	



kiểm tra viết		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	<i>1.0 đến 0.75</i>	<i>0.5 đến ≤ 0.75</i>	<i>0.25 đến ≤ 0.5</i>	<i>0 đến ≤ 0.25</i>	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
<b>Tổng điểm:</b>						

## 7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

*Nội dung 1, Tuần 1: Chương 1: Khái quát chung về kí hiệu học [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]*

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1.1. Khái niệm kí hiệu và kí hiệu học 1.2. Nền tảng lí luận 1.2.1. Lí thuyết ngôn ngữ của Ferdinand de Saussure 1.2.2. Lí thuyết ngôn ngữ của nhóm ngôn ngữ học Prague (Praha) 1.2.3. Lí thuyết nhân chủng học về huyền thoại của Claude Levi-Strauss	9	Lí thuyết	CLO1: Trình bày, mô tả khái quát được lịch sử, nội dung các trường phái lí thuyết kí hiệu học trên thế giới	GT1, GT2	- Nêu các lí thuyết ngôn ngữ  - Chỉ ra điểm giống và khác nhau trong các lí thuyết ngôn ngữ

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển 1.4. Đại diện tiêu biểu 1.5. Phạm vi nghiên cứu và ảnh hưởng					
Các câu hỏi nghiên cứu căn bản của lí thuyết văn học Khái quát bức tranh lí thuyết tiếp nhận văn học	6	Thảo luận/BT	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học		Thuyết trình Hoặc trình bày bằng bảng tổng hợp
Chỉ ra điểm giống và khác nhau của các lí thuyết văn học	6	Thực hành	CLO2: Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và	GT1 GT2	Bảng so sánh

			đọc văn ở nhà trường phổ thông		
Giới thiệu lịch sử phát triển của lí thuyết kí hiệu học		Tự học	CLO2: Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	Internet	Thuyết trình hoặc Poster
Phân tích ảnh hưởng của lí thuyết kí hiệu học	07'	KT – ĐG		GT1 GT2 TLTK2	Thuyết trình

***Nội dung 2, Tuần 2: Chương 2: Lí thuyết kí hiệu học – Tóm tắt [30 tiết (LT14,TH8,TL8)]***

<b>Nội dung chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Chuẩn đầu ra HP</b>	<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>Yêu cầu SV chuẩn bị</b>
-----------------------	----------------	----------------------------------	------------------------	---------------------------	----------------------------

<p>2.1. Trường phái kí hiệu học châu Âu và mô hình nhị phân của F. Saussure</p> <p>2.1.1. Lịch sử</p> <p>2.1.2. Đại diện</p> <p>2.1.3. Quan điểm kí hiệu học</p> <p>2.2. Trường phái kí hiệu học Mỹ và mô hình tam đoạn luận của C. Peirce</p> <p>2.2.1. Lịch sử</p> <p>2.2.2. Đại diện</p> <p>2.2.3. Quan điểm kí hiệu học</p> <p>2.3. Trường phái kí hiệu học Moskva - Tartu và mô hình “kí hiệu quyền” của I. Lotman</p> <p>2.3.1. Lịch sử</p> <p>2.3.2. Đại diện</p> <p>2.3.3. Quan điểm kí hiệu học</p>	14	Lí thuyết	CLO2: Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông;	GT1 GT2	Chuẩn bị các thông tin cơ bản về các trường phái kí hiệu học
So sánh các quan điểm khác nhau về kí hiệu học	8	Thảo luận/BT	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học	GT1 GT2	Lập bảng so sánh các quan điểm khác nhau về kí hiệu học
Thực hành vận dụng lí thuyết kí hiệu trong đọc hiểu 1 văn bản văn học	8	Thực hành	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học	GT1 GT2	Trình bày kết quả đọc bằng sơ đồ trình chiếu trên máy chiếu.
Đọc và giới thiệu về 1		Tự học		TLTK	Thuyết

VB dựa trên lí thuyết kí hiệu học				2	trình
Nêu cách vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào quá trình đọc hiểu văn bản		KT - ĐG	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học	GT1 GT2	Thuyết trình

**Nội dung 3, Tuần 3: Chương 3: Vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy đọc văn trong nhà trường [35 tiết (LT13,TH11,TL11)]**

<b>Nội dung chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Chuẩn đầu ra HP</b>	<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>Yêu cầu SV chuẩn bị</b>
<p>3.1. Lí thuyết về các ‘mã’ (codes) của Roland Barthes và vận dụng trong dạy đọc văn</p> <p>3.2. Lí thuyết tự sự học (narratology) của Tzvetan Todorov, Gérard Genette và vận dụng trong dạy đọc văn</p> <p>3.3. Lí thuyết thi pháp học của M. Bakhtin và vận dụng trong dạy đọc văn</p> <p>3.4. Lí thuyết huyền thoại của</p>	13	Lí thuyết	CLO2: Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT2 TLTK2	Đánh giá vận dụng lí thuyết phù hợp trong đọc hiểu từng thể loại văn bản

Claude Levi-Strauss và vận dụng trong dạy đọc văn 3.5. Lí thuyết về truyện dân gian của Vladimir Propp, A. J. Greimas và vận dụng trong dạy đọc văn					
2.4. Vận dụng lí thuyết huyền thoại trong dạy học văn bản văn học có ưu và nhược điểm gì?	11	Thảo luận/BT	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học	GT2 TLTK2	Phân tích ưu – nhược điểm của việc Vận dụng lí thuyết huyền thoại trong dạy học văn bản văn học
Vận dụng lí thuyết kí hiệu học để đọc hiểu 1 văn bản văn học.	11	Thực hành	CLO2: Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT2 TLTK2	Lựa chọn văn bản phù hợp để vận dụng lí thuyết kí hiệu học trong đọc hiểu
Viết báo cáo nghiên cứu về việc vận dụng lí thuyết kí hiệu học trong đọc hiểu 1 văn bản		Tự học	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc		Thuyết trình

văn học			văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học;		
Đề xuất tiêu chí đánh giá năng lực đọc VB		KT ĐG	-		Thuyết trình

### 8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

### 9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

### 10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

<b>Cập nhật ĐCCTHP lần 1</b> <i>Ngày tháng năm</i>	<b>Người cập nhật</b>
<b>Cập nhật ĐCCTHP lần 2</b> <i>Ngày tháng năm</i>	<b>Người cập nhật</b>

**Duyệt**  
(Khoa)

**Trưởng bộ môn**  
(Kí tên)

Ngày tháng 8 năm 2022  
**Giảng viên**  
(Kí tên)

*Hoàng Thị Mai*

**TL.HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC**